

Số: 1265 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 80 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39316323/ 39316704 Fax: (028) 39316961/ 38437861

E-mail: th_hcm@vinacontrol.com.vn ; vinahochiminh@vinacontrol.com.vn

Địa chỉ phòng thử nghiệm: Lô U18A, đường 22, Khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 39325253/ 37700922 Fax: 028. 37700997/ 62928443

E-mail: g15@vinacontrol.com.vn / labvinacontrol@yahoo.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hoá học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 35/TN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần hai mươi ba và có hiệu lực đến ngày 11 tháng 5 năm 2022.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 1265/TĐC - HCHQ ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tệp phép thử	Tên phương pháp thử
I	Hóa học		
1.	Phân bón	Xác định hàm lượng Bo hòa tan trong nước	TCVN 13263-7:2020, AOAC 982.01
2.		Xác định hàm lượng Bo hòa tan trong axit	TCVN 13263-8:2020, AOAC 982.01
3.		Xác định pH	TCVN 13263-9:2020
4.		Xác định tỷ trọng	TCVN 13263-10:2020
5.		Xác định hàm lượng Chitosan	TCVN 13263-11:2020
6.		Xác định hàm lượng Vitamin nhóm B bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	TCVN 13263-2:2020
7.		Xác định hàm lượng Vitamin C bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	TCVN 13263-3:2020
8.		Xác định hàm lượng nhóm Auxin bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	TCVN 13263-5:2020
9.		Xác định hàm lượng Gibberellin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	TCVN 13263-6:2020
10.		Xác định hàm lượng Selen tổng số	TCVN 13263-12:2021
11.		Xác định hàm lượng Bạc tổng số	TCVN 13263-13:2021
12.		Xác định hàm lượng Natri tổng số	TCVN 13263-15:2021



kg

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
13.	Hóa chất	Xác định tạp chất không tan trong nước	TCVN 7764-1:2007 GM 1
14.		Clorua	TCVN 7764-1:2007 GM 2
15.		Sulfat	TCVN 7764-1:2007 GM 3
16.		Phôt phát	TCVN 7764-1:2007 GM 4
17.		Xác định hàm lượng nước	TCVN 7764-1:2007 GM 12
18.		Xác định độ axit và độ kiềm	TCVN 7764-1:2007 GM 13
19.		Xác định hàm lượng Cặn còn lại sau khi bay hơi	TCVN 7764-1:2007 GM 14
20.		Xác định hàm lượng cặn còn lại sau khi nung	TCVN 7764-1:2007 GM 15
21.		Xác định hàm lượng tro sulfat	TCVN 7764-1:2007 GM 16 & 17
22.		Các chất dễ bị carbon hóa	TCVN 7764-1:2007 GM 18
23.		Xác định hàm lượng các chất khử permanganat	TCVN 7764-1:2007 GM 19
24.		Xác định hàm lượng Fe, Al Phương pháp ICP	PP 53-NT-TT2
25.		Xác định hàm lượng As Phương pháp AAS	PP 54-NT-TT2
26.	Thức ăn chăn nuôi	Gossypol tự do và tổng số	TCVN 9125:2011
27.	Nông sản	Xác định hàm lượng Dimethyl sulfide	PP 4.9-HL-TT2

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tệp phép thử	Tên phương pháp thử
28.	Khí các loại (khí nhiên liệu; khí oxygen, khí nitrogen, khí Hydrogen, khí Heli, khí nitrogen oxide, khí carbon dioxide, argon..)	Xác định độ tinh khiết và hàm lượng các khí tạp: hydro, oxy, nitơ, carbon monoxide, carbon dioxide, metan, etan và etylen	ASTM D1946-90 (2019)
II	Sinh học		
29.	Thực phẩm, nông sản, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mẫu vệ sinh công nghiệp	Định lượng nấm men, nấm mốc	PP 02.5-VS-TT2 Symphony agar method
30.	Thực phẩm, nông sản, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mẫu vệ sinh công nghiệp, phân bón	Phát hiện <i>Salmonella sp</i>	PP 06.3-VS-TT2 IRIS Salmonella method
31.	Thực phẩm, nông sản, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí Sử dụng đĩa đếm petri film	TCVN 12659-2019
32.		Định lượng nấm men, nấm mốc Sử dụng đĩa đếm petri film	TCVN 12657:2019
33.		Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> Sử dụng đĩa đếm petri film	TCVN 12654:2019



ky

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
34.	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Xác định và định lượng <i>Bacillus subtilis</i>	GB/T 26428:2010 PP 20.5-VS-TT2

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Công ty TNHH Giám định Vinacontrol Hồ Chí Minh phải tuân thủ các quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi thực hiện hoạt động thử nghiệm;

- AOAC: Association of analytical communities;
- GB/T: Guobiao standards;
- ASTM: American Society for Testing and Materials;
- PP...TT2: Phương pháp do phòng thử nghiệm xây dựng.

kg